

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ MỸ HÀO
TỈNH HƯNG YÊN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST

Ngày 04/ 03/ 2022

“V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ MỸ HÀO - TỈNH HƯNG YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Nam Thắng**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phan Xuân Hùng**.

2. Bà **Vũ Thị Diệu Thúy**

Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Đăng Toàn** - Thư ký của Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà **Đặng Thị Phụng** - Kiểm sát viên.

Ngày 04/3/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình thụ lý số 120/2021/TLST-HNGĐ ngày 25/ 10/ 2021 về việc “*Kiên ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/01/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19/01/2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/01/2022 và Thông báo về thời gian tiếp phục phiên tòa số 01/2022/TB-HĐXX ngày 25/02/2022 , giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị **Đoàn Thị T**, sinh năm 1989.

Đăng ký HKTT: Tổ dân phố P, phường B, thị xã M, tỉnh H.

* **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1980.

Đăng ký HKTT: Tổ dân phố P, phường B, thị xã Mỹ, tỉnh H.

* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Cháu **Nguyễn Hoài T1**, sinh ngày 15/10/2009.

2. Cháu **Nguyễn Quang D**, sinh ngày 05/11/2012.

Người đại diện theo pháp luật cho cháu T1 và cháu D: Anh **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1980.

Đều đăng ký HKTT: Tổ dân phố P, phường B, thị xã M, tỉnh H.

Tại phiên tòa : Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Chị Đoàn Thị T và anh Nguyễn Văn G đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào (*Nay là phường Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào*), tỉnh Hưng Yên vào năm 2008.

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

+ Chị Đoàn Thị T trình bày: Năm 2014, vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014 và căng thẳng vào năm 2016. Cũng năm 2016, chị về nhà bố mẹ đẻ sinh sống; đồng thời vợ chồng ly thân cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh G để hai bên ổn định cuộc sống riêng.

+ Ngày 21/02/2022, anh G có quan điểm: Anh đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và các giấy triệu tập của Tòa án. Tuy nhiên, do bận công việc nên anh không đến Tòa án để làm việc được. Tại buổi làm việc, anh thừa nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không thống nhất trong việc làm ăn xây dựng kinh tế gia đình. Vợ chồng anh chị ly thân từ năm 2016. Nay chị T làm đơn xin ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí.

[2]. Về con chung: Anh G chị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoài T1 sinh ngày 15/10/2009 và cháu Nguyễn Quang D sinh ngày 05/11/2012. Hiện cả hai cháu đều đang ở với anh G.

Chị T xác định anh G có cùng các con đang sinh sống ổn định tại Phú Đa, phường Bần Yên Nhân. Anh G có thu nhập ổn định, đủ điều kiện trang trải cuộc sống và nuôi dạy hai cháu trưởng thành. Khi ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết giao cả hai cháu T1 và D cho anh G nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên và chị không phải cấp dưỡng nuôi hai cháu.

Anh G có quan điểm nếu ly hôn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu đến khi thành niên. Anh tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh xác định với mức thu nhập trung bình của anh là 10.000.000đ/tháng nên anh đủ điều kiện trang trải cuộc sống và nuôi dạy các cháu trưởng thành.

[3]. Về tài sản, nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Hai bên tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Anh G, chị T vắng mặt.
- Chủ tọa phiên tòa giải thích việc anh G, chị T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đã có quan điểm về việc giải quyết các mối quan hệ trong vụ án.
- Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung yêu cầu khởi kiện và các quan hệ cần giải quyết trong vụ án.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mỹ Hào phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành mở phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, lập biên bản không tiến hành hòa giải được, tạm ngừng phiên tòa và đưa vụ án ra xét xử đúng theo

quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử độc lập, Thẩm phán và Thư ký chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung:

- Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án do anh G, chị T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
- Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T về việc xin ly hôn anh G
- Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu T1 và D cho anh G nuôi dưỡng đến khi trưởng thành theo quan điểm tự nguyện của anh G, chị T; đồng thời đề nghị HĐXX giải các quan hệ khác trong hôn nhân, án phí của vụ án...

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét khách quan toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Đoàn Thị T và anh Nguyễn Văn G đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào (*nay là phường Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào*), tỉnh Hưng Yên. Nay chị T khởi kiện xin ly hôn với anh G nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh G có địa chỉ cư trú tại tổ dân phố Phú Đa, phường Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh G, chị T đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Bần Yên Nhân (*nay là phường Bần Yên Nhân*) vào năm 2008. Đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo hộ.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống, không thống nhất trong việc làm ăn xây dựng kinh tế gia đình. Cuối năm 2016, chị T về nhà bố mẹ đẻ; đồng thời vợ chồng ly thân.

Căn cứ vào lời khai của anh G, chị T; của mẹ đẻ anh G, của chị T (Bà Nguyễn Thị L, bà Vũ Thị S), Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh G đã xảy ra trầm trọng và kéo dài; tình cảm vợ chồng không còn; thời gian ly thân đã lâu. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ chấp nhận yêu cầu của chị T về việc xin ly hôn anh G.

[3] Về con chung: Anh Giỏi, chị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoài T1 sinh ngày 15/10/2009 và cháu Nguyễn Quang D sinh ngày 05/11/2012. Ly hôn, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết giao cả hai cháu cho anh G nuôi dưỡng đến khi thành niên. Vấn đề này Hội đồng xét xử thấy rằng cả cháu T1, cháu D đều đang sinh sống ổn định cùng anh G; các cháu đều có nguyện vọng ở với anh G nếu bố mẹ ly hôn. Mặt khác, anh G có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định; anh G có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ giao cháu T1 và cháu D cho anh G tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành.

[4] Về tài sản, công nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Hai bên không yêu cầu nên đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Về điều luật áp dụng: Căn cứ các điều 51, 56, 57, 73, 81, 82, 83, 84 - Luật hôn nhân và gia đình;

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đoàn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn G.

[3]. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoài T1, sinh ngày 15/10/2009 và cháu Nguyễn Quang D, sinh ngày 05/11/2012 cho anh Nguyễn Văn G nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi thành niên. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T có quyền thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này. Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

[4]. Về tài sản, nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Đoàn Thị T phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ số tiền tạm ứng án 300.000đ chị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0013019 ngày 25/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên. Chị T đã nộp xong án phí sơ thẩm ly hôn.

[6]. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Mỹ Hào;
- Chi cục T.H.A ĐS thị xã Mỹ Hào;
- Phòng KTNV và THA - Tòa án tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- UBND phường Bần Yên Nhân;
- Lưu HS vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Nam Thắng

